

TỔNG HỢP CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 09/10/2019 của HĐND huyện Thuận Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2016-2020	Ghi chú
	TỔNG SỐ	513.975,0	
I	Các nguồn vốn ngân sách địa phương	162.406,0	
1	Nguồn vốn xây dựng cơ bản tập trung	103.780,0	
2	Nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy quyền	10.000,0	
3	Nguồn thu tiền sử dụng đất	48.626,0	
II	Các chương trình mục tiêu quốc gia	321.909,0	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	127.313,0	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	194.596,0	
III	Ngân sách trung ương hỗ trợ làm nhà ở cho người có công theo QĐ 22/2013/QĐ-TTg	29.660,0	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày 09/10/2019 của HĐND huyện Thuận Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định đầu tư			Giai đoạn 2011-2015			Giai đoạn 2016-2020			Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Lũy kế vốn đã bỏ từ đến hết 31/12/2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Kế hoạch 5 năm 2016-2020			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó BSCD		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó BSCD		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	22
	TỔNG SỐ					184.385,9	167.684,5		165.945,2	140.308,9	33.265,8	6.628,5	188.003,6	165.424,0	184.985,6	162.406,0	-
I	Nguồn vốn XDCBT					141.395,5	128.847,5		130.723,5	111.581,9	29.292,4	6.628,5	116.006,3	106.798,0	112.988,3	103.780,0	
a	<i>Dự án hoàn thành trước 31/12/2015</i>					-	-		<i>20.564,3</i>	<i>10.280,5</i>	<i>15.620,9</i>	<i>5.337,2</i>	<i>4.471,9</i>	<i>4.471,9</i>	<i>4.471,9</i>	<i>4.471,9</i>	-
1	Trường phổ thông dân tộc nội trú. HM: Nhà ở nội trú	UBND huyện	Thị trấn	2012-2013				5207-05/12/2011	10.999,7	716,0	10.283,7		716,0	716,0	716,0	716,0	
2	Dịch chuyển đường điện tại trung tâm xã Noong Lay	UBND huyện	Noong Lay	2014-2015				3488-19/6/2014	974,0	974,0	694,9	694,9	226,3	226,3	226,3	226,3	
3	Sửa chữa nhà văn hóa huyện Thuận Châu	UBND huyện	Thị trấn	2014-2015				5465-21/10/2014	3.161,8	3.161,8	2.047,3	2.047,3	1.115,9	1.115,9	1.115,9	1.115,9	
4	Bổ sung hệ thống điện 0,4 KV cho bản Bía, bản Dưm và Phổng Láng	UBND huyện	Phổng Láng	2014-2015				5467-21/10/2014	1.273,3	1.273,3	585,0	585,0	473,8	473,8	473,8	473,8	
5	Cổng thông tin tuyến truyền huyện Thuận Châu	UBND huyện	Thị trấn	2014-2015				5468-21/10/2014	2.246,2	2.246,2	900,0	900,0	1.295,0	1.295,0	1.295,0	1.295,0	
6	Sửa chữa trụ sở xã E Tông	UBND huyện	E Tông	2014-2015				4346-14/8/2014	309,3	309,3	110,0	110,0	160,6	160,6	160,6	160,6	
7	Sửa chữa chợ trung tâm xã Tông Lanh	UBND huyện	Tông Lanh	2015				5114-16/11/2015	1.600,0	1.600,0	1.000,0	1.000,0	484,3	484,3	484,3	484,3	
b	<i>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020</i>					-	-	-	<i>21.108,1</i>	<i>20.002,8</i>	<i>13.380,2</i>	<i>1.000,0</i>	<i>4.005,5</i>	<i>4.005,5</i>	<i>4.005,5</i>	<i>4.005,5</i>	
1	Thủy lợi phai Lôm, xã Chiềng Pắc	UBND huyện	Chiềng Pắc	2015-2016				6015-12/11/2014	1.129,8	1.073,3	1.001,0		109,0	109,0	109,0	109,0	
2	Kênh Co Cai, xã Tông Lanh	UBND huyện	Tông Lanh	2015-2016				6047-14/11/2014	1.149,2	1.091,8	956,3		158,2	158,2	158,2	158,2	
3	Thủy lợi Nà Mạn, xã Tông Lanh	UBND huyện	Tông Lanh	2015-2016					1.753,1	1.665,4	900,0		694,1	694,1	694,1	694,1	
6	Đường 107 - Trụ sở làm việc UBND xã Tông Co	UBND huyện	Tông Co	2015-2016				2470-14/8/2015	997,5	897,7	601,4		343,1	343,1	343,1	343,1	
7	Cầu Ta Long, xã Chiềng Pắc	UBND huyện	Chiềng Pắc	2015-2016				4638-30/10/2015	1.011,5	960,9	675,0		210,8	210,8	210,8	210,8	
8	Cầu qua suối tuyến đường bản Co Trang, xã Bon Phàng	UBND huyện	Bon Phàng	2015-2016				4293-22/10/2015	867,2	823,8	545,0		262,0	262,0	262,0	262,0	
9	Cầu qua suối bản Mè, xã Bon Phàng	UBND huyện	Bon Phàng	2015-2016				4294-22/10/2015	511,5	486,0	413,7		40,0	40,0	40,0	40,0	
10	Cải tạo, nâng cấp chợ trung tâm xã Phổng Lai	UBND huyện	Phổng Lai	2015-2016				5908-22/7/2014	4.906,1	4.746,3	2.796,1	1.000,0	203,3	203,3	203,3	203,3	
11	Cầu qua suối bản Pôm Khoảng A, B và trường THCS Chiềng Bóm	UBND huyện	Chiềng Bóm	2015-2015				1966-29/6/2015	1.553,3	1.475,6	720,0		451,4	451,4	451,4	451,4	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư			Giai đoạn 2011-2015				Giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Lũy kế vốn đã bỏ từ đầu năm 2016	TD Nguồn BSCD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TD Nguồn BSCD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Kế hoạch 5 năm 2016-2020				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó BSCD		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó BSCD										
																	6	7	8	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	22			
12	Cầu qua suối bản Nà Lét, Nà Trang và trường THCS Chiềng Bôm	UBND huyện	Chiềng Bôm	2015-2016	1944-25/6/2015	1.447,9	1.375,5	650,0	509,4	509,4	509,4	509,4	509,4	509,4	509,4	509,4				
13	Sửa chữa thủy lợi phai Nôm	UBND huyện	Chiềng Pắc	2015-2016	4237-20/10/2015	1.067,0	1.013,6	750,0	260,0	260,0	260,0	260,0	260,0	260,0	260,0	260,0				
14	Sửa chữa thủy lợi phai Có	UBND huyện	Chiềng Pắc	2015-2016	4235-20/10/2015	1.105,1	1.049,9	750,0	250,0	250,0	250,0	250,0	250,0	250,0	250,0	250,0				
15	Sửa chữa thủy lợi phai Nà Man	UBND huyện	Tổng Lãnh	2015-2016	4236-20/10/2015	548,2	520,8	400,0	60,0	60,0	60,0	60,0	60,0	60,0	60,0	60,0				
16	Sửa chữa thủy lợi Lót Mán	UBND huyện	Bô Mười	2015-2016	4234-21/10/2015	981,5	932,4	650,0	221,7	221,7	221,7	221,7	221,7	221,7	221,7	221,7				
17	Thủy lợi bản Long Lầu	UBND huyện	Năm Lầu	2015-2016	4238-20/10/2015	935,6	888,8	650,0	170,0	170,0	170,0	170,0	170,0	170,0	170,0	170,0				
18	Thủy lợi Nà Lanh, xã Ê Tông	UBND huyện	Ê Tông	2015-2016	5514-24/10/2014	1.053,6	1.001,0	921,6	62,6	62,6	62,6	62,6	62,6	62,6	62,6	62,6				
c	Dự án khai công mới năm 2016-2018					60.107,6	52.559,6		57.101,4	49.348,7	291,3	291,3	50.948,5	43.328,9	50.948,5	43.328,9				
1	Nhà kho lưu trữ + phòng họp BCH Đảng bộ huyện	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2016-2017	4048-13/10/2015	13.627,0	13.627,0	903-30/3/2016	12.705,2	12.705,2			12.566,3	12.566,3	12.566,3	12.566,3				
2	Cầu bản Nà Viêng 2, xã Bô Mười	BQL dự án ĐTXD	Bô Mười	2016-2017	1823-07/6/2017	1.600,0	1.520,0	2876-29/8/2017	1.596,0	1.516,2	291,3	291,3	1.217,7	1.137,9	1.217,7	1.137,9				
3	Nước sinh hoạt Bua Bon, xã Chiềng Ngâm	BQL dự án ĐTXD	Chiềng Ngâm	2016-2017	3693-24/10/2016	1.300,0	1.70,0	3886-07/11/2016	1.213,7				1.005,5	5,5	1.005,5	5,5				
4	Nước sinh hoạt bản Han, xã Mường Khiêng	BQL dự án ĐTXD	Mường Khiêng	2016-2017	3694-24/10/2016	1.295,0	215,0	3884-07/11/2016	1.211,3				1.080,8	9,7	1.080,8	9,7				
5	Nhà kho lưu trữ của UBND huyện và các phòng, ban chuyển môn huyện	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2016-2018	4356-23/10/2015	4.352,0	4.352,0	904-30/3/2016	3.607,3	3.607,3			2.889,0	2.889,0	2.889,0	2.889,0				
6	Nhà tưởng niệm chủ tịch HCM	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2017-2018	4059-14/10/2015	10.715,0	8.215,0	3747-28/10/2016	10.503,8	8.003,8			8.959,5	6.459,5	8.959,5	6.459,5				
7	Trạm y tế xã Bon Phàng	BQL dự án ĐTXD	Bon Phàng	2017-2018	3434-07/10/2016	3.800,0	3.800,0	3748-28/10/2016	3.227,6	3.227,6			2.882,2	2.882,2	2.882,2	2.882,2				
8	Chợ xã Muối Nọi	BQL dự án ĐTXD	Muối Nọi	2017-2018	3724-27/10/2016	6.277,0	6.277,0	3750-31/10/2016	6.246,5	6.246,5			6.246,5	4.399,7	6.246,5	4.399,7				
9	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện trong khuôn viên trung tâm hành chính chính trị huyện	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2017-2018	4502-28/10/2015	478,0	478,0	3799-25/10/2016	437,3	437,3			384,6	384,6	384,6	384,6				
10	Nghĩa trang nhân dân huyện Thuận Châu	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2017-2018	4504-28/10/2015	9.675,6	7.175,6	3796-25/10/2016	9.648,4	7.148,4			7.701,2	7.701,2	7.701,2	7.701,2				
11	Kế trường tiểu học Muối Nọi	BQL dự án ĐTXD	Muối Nọi	2017-2018	2668-11/8/2017	450,0	450,0	3300-26/9/2017	449,0	449,0			432,878	432,878	432,878	432,878				
12	Tuyến đường kiểu mẫu huyện Thuận Châu	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2018-2019	1663-07/6/2017	1.993,0	1.993,0	3423-04/10/2017	1.982,9	1.982,9			1.925,6	1.925,6	1.925,6	1.925,6				
13	Nước sinh hoạt bản Bia, xã Phông Láng	BQL dự án ĐTXD	Phông Láng	2018-2019	1662-07/6/2017	581,0	523,0	3264-22/9/2017	478,8	430,9			427,5	379,5	427,5	379,5				

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Giới hạn 2011-2015				Giới hạn 2016-2020					Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		TMDT		Lũy kế vốn đã bỏ từ đến hết 31/12/2015		Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020			Kế hoạch 5 năm 2016-2020				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TD. Nguồn BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TD. Nguồn BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TD. Nguồn BSCĐ				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22				
14	Phòng chức năng trường tiểu học Bon Phảng, xã Bon Phảng	BQL dự án ĐTXD	Bon Phảng	2018-2019	1664-07/6/2017	985,0	985,0	3049-01/9/2017	942,8	942,8			817,6	600,0	817,6	600,0						
15	Đường liên xã bản Dê, xã Tổng Lãnh - bản Na Tong, xã Chiềng Lỵ	BQL dự án ĐTXD	Tiêng, Chiềng Lỵ	2018-2019	1658-07/6/2017	1.997,0	1.797,0	3127-12/9/2017	1.969,9	1.769,9			1.666,3	810,0	1.666,3	810,0						
16	Phòng chức năng trường mầm non Hoa Ban 2, xã Tổng Lãnh	BQL dự án ĐTXD	Tổng Lãnh	2018-2019	1666-07/6/2017	982,0	982,0	2644-10/8/2017	880,9	880,9			745,267	745,267	745,3	745,3						
d	Dự án khởi công mới năm 2019					38.956,8	33.956,8		31.949,9	31.949,9	-	-	36.449,9	34.861,1	33.431,9	31.843,1						
1	Nhà hiệu bộ trường THCS Chu Văn An	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2019-2020	4517-28/10/2015	4.363,0	4.363,0	3229 - 23/10/2018	3.996,7	3.996,7			3.996,7	3.996,7	3.996,7	3.996,7						
2	Rải nhựa đường apphan phố Pha Luông, phố Hoàng Áng, thị trấn Thuận Châu	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2019-2020	4500-28/10/2015	1.174,5	1.174,5	3289 - 29/10/2018	777,0	777,0			777,0	777,0	777,0	777,0						
3	Trường mầm non Sơn Ca, thị trấn Thuận Châu	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2019-2020	1661-07/6/2017	10.500,0	10.500,0	3243 - 23/10/2018	10.500,0	10.500,0			10.500,0	10.500,0	10.500,0	10.500,0						
4	Hệ thống hạ tầng trung tâm xã Noong Lay	BQL dự án ĐTXD	Noong Lay	2019-2020	4506-28/10/2015	9.007,5	4.007,5	3228 - 22/10/2018	7.491,2	7.491,2			7.491,2	7.491,2	7.491,2	4.473,2	4.473,2					
5	Sửa chữa Nhà làm việc C3, C4 trung tâm hành chính chính trị huyện	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2019-2020	4503-28/10/2015	1.799,3	1.799,3	3236 - 23/10/2018	1.712,9	1.712,9			1.712,9	1.712,9	1.712,9	1.712,9						
6	Sửa chữa, nâng cấp trạm y tế thị trấn	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2019-2020	4512-28/10/2015	1.004,0	1.004,0	3028 - 28/9/2018	877,1	877,1			877,1	877,1	877,1	877,1						
7	Đường phố Chu Văn An, thị trấn Thuận Châu	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2019-2020	4501-28/10/2015	4.513,5	4.513,5						4.500,0	4.500,0	4.500,0	4.500,0						
8	Hà tăng khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2019-2020	2487 - 14/8/2018	6.595,0	6.595,0	3296 - 20/10/2018	6.595,0	6.595,0					6.595,0	5.006,2	5.006,2	Lồng ghép nguồn đất				
d	Dự án khởi công mới năm 2020					39.528,9	39.528,9		-	-	-	-	17.328,4	17.328,4	17.328,4	17.328,4						
1	Bến nước phòng cháy chữa cháy thị trấn	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2020	4519-28/10/2015	1.499,1	1.499,1						1.499,1	1.499,1	1.499,1	1.499,1						
2	Sửa chữa nhà C2 - trung tâm hành chính chính trị huyện	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2020	4508-28/10/2015	1.499,8	1.499,8						1.499,8	1.499,8	1.499,8	1.499,8						
3	Sửa chữa nhà A - trung tâm hành chính chính trị huyện	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2020	4513-28/10/2015	2.000,0	2.000,0						2.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0						
4	Chính trang đồ thị theo Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ, thị trấn Thuận Châu	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2020-2021	1260 - 27/5/2019	18.100,0	18.100,0						6.335,0	6.335,0	6.335,0	6.335,0		Lồng ghép nguồn đất				
5	Đường giao thông nội bộ trong khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ, thị trấn Thuận Châu	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2020-2021	1259 - 27/5/2019	13.392,0	13.392,0						2.956,5	2.956,5	2.956,5	2.956,5		Lồng ghép nguồn đất				

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Giai đoạn 2011-2015				Giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Lũy kế vốn đã bỏ tri đến hết 31/12/2015	Kế hoạch 5 năm 2016-2020		TD: Nguồn BSCD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TD: Nguồn BSCD	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCD		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCD		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCD					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCD		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	22				
6	Khu tái định cư các dự án đầu tư trên địa bàn thị trấn Thuận Châu	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2020	1258 - 27/5/2019	3.038,0	3.038,0						3.038,0	3.038,0			3.038,0				
f	Đổi ứng Chương trình kiến thức xã hội trường lớp học giải pháp 2017-2020					2.802,2	2.802,2						2.802,2	2.802,2			2.802,2				
II	Nguồn vốn ngân sách tỉnh ủy quyền					18.883,4	17.230,0		17.574,4	16.004,1	-	-	16.911,8	10.000,0	16.911,8	10.000,0					
a	Dự án khởi công mới 2016-2018					15.126,4	13.708,0		14.863,1	13.444,7	-	-	12.779,8	6.100,0	12.779,8	6.100,0					
1	Chợ trung tâm xã Noong Lay	BQL dự án ĐTXD	Noong Lay	2016-2017		4.332,4	3.114,0	2472-04/8/2015	4.332,4	3.114,0				2.870,1	2.000,0	2.870,1	2.000,0				
2	Chợ xã Muối Núi	BQL dự án ĐTXD	Muối Núi	2017-2018		6.277,0	6.277,0	3750- 31/10/2016	6.246,5	6.246,5				6.246,5	1.846,8	6.246,5	1.846,8				
3	Phòng chức năng trường tiểu học Bon Phàng, xã Bon Phàng	BQL dự án ĐTXD	Bon Phàng	2018-2019	1664- 07/6/2017	985,0	985,0	3049-01/9/2017	942,8	942,8				217,6	817,6	217,6					
4	Đường liên xã bản De, xã Tổng Lãnh - bản Na Tông, xã Chiềng Ly	BQL dự án ĐTXD	Tiênh, Chiềng Ly	2018-2019	1658- 07/6/2017	1.997,0	1.797,0	3127-12/9/2017	1.969,9	1.769,9				1.666,3	856,3	1.666,3	856,3				
5	Nhà lớp học trường mầm non Hoa Đào, xã Phông Láng	BQL dự án ĐTXD	Phông Láng	2018-2019	1665- 07/6/2017	1.535,0	1.535,0	3408-01/9/2017	1.371,5	1.371,5				1.179,3	1.179,3	1.179,3					
b	Dự án khởi công mới giải pháp 2019-2020					3.757,0	3.522,0		2.711,4	2.559,4	-	-	3.511,4	3.279,4	3.511,4	3.279,4	-				
1	Phòng chức năng trường THCS Bình Thuận, xã Phông Lai	BQL dự án ĐTXD	Phông Lai	2019-2020	1660- 07/6/2017	1.412,0	1.412,0	2034 - 04/7/2018	1.211,5	1.211,5				1.211,5	1.211,5	1.211,5					
2	Kiến cơ hoa kính nương thủy lợi bản Hua Na, bản Na, xã Tổng Lãnh	BQL dự án ĐTXD	Tổng Lãnh	2019-2020	1656- 07/6/2017	795,0	715,0	3160 - 15/10/2018	794,6	713,2				713,2	794,6	713,2					
3	Kiến cơ hoa kính nương bản Láng Lương, xã Phông Láng	BQL dự án ĐTXD	Phông Láng	2019-2020	1657- 07/6/2017	750,0	675,0	3275 - 24/10/2018	705,3	634,8				634,8	705,3	634,8					
4	Cầu Na Bon, xã Chiềng Ly	BQL dự án ĐTXD	Chiềng Ly	2020-2021	1659- 07/6/2017	800,0	720,0							720,0	800,0	720,0					
c	Thu hồi NST (hết thời hạn giải ngân)													620,6	620,6	620,6					
III	Nguồn thu tiền sử dụng đất					24.107,0	21.607,0		17.647,2	12.722,9				48.626,0	55.085,5	48.626,0					
a	Điều tiết ngân sách tỉnh theo Nghị quyết 71/2018/NQ-HĐND													3.221,5	3.221,5	3.221,5					
b	Công tác rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cấp GCNQSD đất													9.722,1	9.722,1	9.722,1					

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Giai đoạn 2011-2015				Giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Lũy kế vốn đã bỏ từ đầu năm 2016-2020	TD Nguồn BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TD Nguồn BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TD Nguồn BSCĐ	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCĐ		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCĐ											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	22				
c	Bồi thường, GPMB các dự án, quy hoạch chi tiết, xác định giá, đấu giá													6.664,1	6.664,1	6.664,1	6.664,1	Phân bổ khi có đủ thủ tục theo quy định			
d	Thực hiện các dự án đầu tư					24.107,0	21.607,0	-	17.647,2	12.722,9	3.973,4	-	27.585,3	21.125,8	27.585,3	21.125,8	21.125,8				
*	Dự án hoàn thành trước 31/12/2015					-	-	-	2.511,3	2.345,6	1.755,4	-	922,9	922,9	922,9	922,9	922,9				
1	Điều chỉnh các dự án quy hoạch xây dựng nông thôn mới trung tâm xã Phồng Lái	UBND huyện	Phồng Lái		14/6-19/3/2014				71,0	71,0	-		69,0	69,0	69,0	69,0	69,0				
2	Quy hoạch chi tiết 1/500 trung tâm xã Nong Lay	UBND huyện	Nong Lay						136,6	136,6	-		134,0	134,0	134,0	134,0	134,0				
3	Hoàn trả nguồn sự nghiệp y tế năm 2015 thành toàn cho các công trình theo kết luận của thành tra sơ Tái chỉnh (Sửa chữa trạm y tế xã Bò Mươi, Chiềng Phá, Sửa chữa nhà thực nghiệm của BV Đa khoa huyện làm cơ sở điều trị Methadone)	UBND huyện											503,1	503,1	503,1	503,1	503,1				
4	Nhà văn hóa bán Đông Hưng, xã Muối Noi	UBND xã Muối Noi	Muối Noi						624,1	574,2	550,0		5,4	5,4	5,4	5,4	5,4				
5	Nhà văn hóa bán Nong Ten, xã Năm Lâu	UBND xã Năm Lâu	Năm Lâu						691,6	652,5	550,0		18,5	18,5	18,5	18,5	18,5				
6	Nhà văn hóa bán Nưa, xã Chiềng La	UBND xã Chiềng La	Chiềng La						988,0	911,3	655,4		192,8	192,8	192,8	192,8	192,8				
*	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020					-	-	-	4.552,6	2.294,0	2.218,0	-	1.772,0	1.772,0	1.772,0	1.772,0	1.772,0	-			
1	Nhà làm việc phòng giao dịch hành chính một cửa hiện đại và BQL dự án đầu tư xây dựng	UBND huyện	Thị trấn	2015-2016				24/7-04/8/2015	2.193,6	500,0	1.268,0		500,0	500,0	500,0	500,0	500,0				
2	Trường Mầm non Hoa Sen, xã Bon Phàng	UBND huyện	Bon Phàng	2015-2016				02/12/2015	1.167,0	602,0	500,0		602,0	602,0	602,0	602,0	602,0				
3	Nhà kho vũ khí BCH Quân sự huyện	UBND huyện							1.192,0	1.192,0	450,0		670,0	670,0	670,0	670,0	670,0				
*	Dự án triển khai 2016-2020					24.107,0	21.607,0	-	10.583,3	8.083,3	-	-	11.039,0	4.579,5	11.039,0	4.579,5	4.579,5				
1	Sửa chữa tường rào sau kỳ đại sản vận động huyện Thuận Châu	Trung tâm VH TT	Thị trấn						79,5	79,5			79,5	79,5	79,5	79,5	79,5				
2	Nhà tưởng niệm chủ tịch HCM	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2017-2018	4059-14/10/2015	10.715,0	8.215,0	3747-28/10/2016	10.503,8	8.003,8			8.959,5	2.500,0	8.959,5	2.500,0	2.500,0				
3	Đường giao thông nội bộ trong khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ, thị trấn Thuận Châu	BQL dự án ĐTXD	Thị trấn	2020-2021	1259 - 27/5/2019	13.392,0	13.392,0						2.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0	2.000,0				

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Giai đoạn 2011-2015				Giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Lấy kế vốn đã bỏ tri đến hết 31/12/2015	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020		Kế hoạch 5 năm 2016-2020							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCD		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: BSCD		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ Nguồn BSCD		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TĐ Nguồn BSCD					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	22			
*	Hỗ trợ làm nhà ở cho người có công theo Quyết định 22/2013/QĐ-TTG	UBND các xã, thị trấn	Huyện Thuận Châu	2018									1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0					
*	Hỗ trợ làm đường GTNT theo NQ HĐND tỉnh												12.851,4	12.851,4	12.851,4	12.851,4					
e	Nội dung khác (hoàn trả chi phí QLDA cho BQLDA ĐTXD)												832,0	832,0	832,0	832,0					
f	Phân bổ chi tiết sau (sau khi phát sinh nguồn tăng thu)												7.060,4	7.060,4	7.060,4	7.060,4					
1	Điều tiết ngân sách tỉnh theo Nghị quyết 71/2018/NQ-HĐND																				
2	Công tác rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giao đất, cấp GCNQSD đất, Bỏ trường, GPMB các dự án, quy hoạch chi tiết, xác định giá, đấu giá																				
3	Hà tăng khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ																				
4	Chính trang đồ thi theo Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ, thị trấn Thuận Châu																				
5	Đường giao thông nội bộ trong khu đất trường Đại học Tây Bắc cũ, thị trấn Thuận Châu																				
6	Hệ thống hạ tầng trung tâm xã Noong Lay																				
7	Hỗ trợ làm đường GTNT																				
8	Nhiệm vụ khác																				

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2016-2020
(Kèm theo Nghị quyết số 14-NQ-HĐND ngày 08/10/2019 của HĐND huyện Thuận Châu)

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư			Giai đoạn 2011-2015				Giai đoạn 2016-2020				Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Lũy kế vốn đã bỏ từ đến hết 31/12/2015	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Nhu cầu đầu tư 5 năm 2016-2020	Kế hoạch đã duyệt tại NQ số 09/NQ-HĐND ngày 15/9/2019		Kế hoạch điều chỉnh		Kế hoạch vốn sau điều chỉnh
						6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
	TỔNG SỐ																				
I	Nguồn vốn chương trình 135																				
a	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020																				
1	Điện sinh hoạt bản Co Mán, xã Púng Tra				2014-2015																
b	Dự án khởi công mới năm 2016 - 2018																				
1	Đường giao thông bản Chá Lay A xã Co Mán	BQL dự án ĐTXD	Co Mán		2016-2017	3426-16/9/2015	4.751,0	4.276,0	4613-29/10/2015	4.392,1	4.022,4	369,7									
2	Thủy lợi bản Na Dén, xã Mường É	BQL dự án ĐTXD	Mường É		2016-2017	3426-16/9/2015	2.044,0	1.840,0	4617-29/10/2015	1.761,3	1.579,0	182,2									
3	Điện sinh hoạt bản Na Cát, xã Chiềng La	BQL dự án ĐTXD	Chiềng La		2016-2017	3426-16/9/2015	4.867,0	4.624,0	4618-29/10/2015	4.764,9	4.659,6	105,3									
4	Cầu trần đi nhà văn hóa bản Láy và cầu trần đi trường học bản Láy xã Bon Phàng	BQL dự án ĐTXD	Bon Phàng		2016-2017	3426-16/9/2015	989,0	939,0	4620-29/10/2015	911,0	911,0	-									
5	Nâng cấp điện sinh hoạt bản De A xã Tông Lanh	BQL dự án ĐTXD	Tông Lanh		2016-2017	3426-16/9/2015	1.161,0	1.103,0	4632-30/10/2015	1.086,8	1.064,0	22,8									
6	Cầu bản Long Lầu, xã Nốt, bản Tông, bản Ban, xã Hón, xã Năm Lầu	BQL dự án ĐTXD	Năm Lầu		2016-2017	4366-23/10/2015	2.098,0	1.888,0	4647-30/10/2015	2.049,7	1.843,2	206,6									
7	Nhà lớp học bản Hua Lanh, Pa Lầu, bản Pua, xã Ban Lám	BQL dự án ĐTXD	Ban Lám		2016-2017	4366-23/10/2015	2.200,0	2.200,0	4648-30/10/2015	2.156,3	2.156,3	-									
8	Điện sinh hoạt Noong Chiềng, Thôn Môn	BQL dự án ĐTXD	Thôn Môn		2016-2017		1.990,0	1.894,5	5452-17/10/2014	1.990,0	1.894,5	95,5									
9	Điện sinh hoạt bản Hua Ty A + B	BQL dự án ĐTXD	Chiềng Bóm		2016-2017		3.836,5	3.655,6	5449-17/10/2014	3.836,5	3.655,6	180,9									
10	Điện sinh hoạt bản Long Hè	BQL dự án ĐTXD	Long Hè		2016-2017		3.754,9	3.567,8	4895-24/10/2013	3.754,9	3.567,8	187,0									
11	Điện sinh hoạt bản Bóm Lầu Bóm Pao	BQL dự án ĐTXD	Chiềng Ly		2016-2017		3.845,6	3.636,9	5451-17/10/2014	3.845,6	3.636,9	208,7									
12	Thủy lợi bản Na Cầu - Na Hát	BQL dự án ĐTXD	Mường Bám		2017-2018	3426-16/9/2015	2.238,0	2.014,0	4523-28/10/2015	2.027,0	1.857,4	169,6									
13	Nhà văn hóa bản Na Liếm, xã Phông Láp	BQL dự án ĐTXD	Phông Láp		2017-2018	3426-16/9/2015	735,0	661,5	4614-29/10/2015	710,6	660,6	50,0									
14	Nhà văn hóa bản Pa Sang, xã Phông Láp	BQL dự án ĐTXD	Phông Láp		2017-2018	3426-16/9/2015	661,8	616,0	4615-29/10/2015	661,8	616,0	45,8									
15	Thủy lợi bản Múa, xã Chiềng Ngam	BQL dự án ĐTXD	Chiềng Ngam		2017-2018	3426-16/9/2015	2.621,7	2.445,8	4616-29/10/2015	2.621,7	2.445,8	176,0									
16	Nhà văn hóa bản Long Cu	BQL dự án ĐTXD	Bon Mươi		2017-2018	3426-16/9/2015	806,4	787,0	4619-29/10/2015	806,4	787,0	19,4									

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Dự kiến thời gian thực hiện	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Quyết định đầu tư				Giới đoạn 2011-2015				Giới đoạn 2016-2020				Ghi chú																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó NSTW